

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2020/HS-ST
Ngày: 25/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Mai**;
2. Bà **Trần Thị Đông**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Kim Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ - thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 226/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Quang H**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/10/2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Lai Ô, xã An Q, huyện Quỳnh P, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Đỗ Quang Đ; Mẹ đẻ: Phạm Thị C; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/10/2020 đến ngày 30/10/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Bị hại:

1. Chị **Đỗ Thị D**, sinh năm 1979; HKTT: Đông M, Tiền H, Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Tổ 12 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1980; HKTT: Yên N, Tiền P, Mê L, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Tổ 23 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1977; HKTT và nơi ở: Xóm 4, thôn Lai Ô, xã An Q, huyện Quỳnh P, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ của bị cáo H). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 21/10/2020 và ngày 22/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công An huyện Đ nhận được đơn trình báo của chị Đỗ Thị D (Sinh năm: 1979; HKTT: Đông M, Tiền H, Thái Bình; chỗ ở: Tổ 12 Thị trấn Đ, Đ, Hà Nội) về việc: Khoảng 20h00 ngày 19/10/2020 tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị H1 (SN: 1980) tại Tổ 23 Thị trấn Đ, chị D bị kẻ gian trộm cắp 01 ví da bên trong có 01 nhẫn vàng ta 5 chỉ, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đỗ Thị D, 01 căn cước công dân mang tên Đặng Đình Nghĩa và 19.000.000 đồng tiền mặt; chị Nguyễn Thị H1 bị trộm cắp 01 chiếc mặt dây chuyền vàng tây hình trái tim trị giá khoảng 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị D, chị H1 bị mất khoảng 48.000.000 đồng. Chị H1, chị D đề nghị Cơ quan Công an làm rõ đối tượng trộm cắp tài sản và xử lý theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận đơn trình báo của các bị hại, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, ghi lời khai bị hại, rà soát và ghi lời khai nhân chứng, xác định Đỗ Quang H là người thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị H1.

Ngày 22/10/2020, Đỗ Quang H đã đến ngã tư 1-5 thuộc tổ 24, thị trấn Đ, Đ, Hà Nội tìm lại chiếc ví da và giấy tờ cá nhân của chị D mà H vớt tại đó rồi đem đến Công an thị trấn Đ – Công An huyện Đ đầu thú và giao nộp tài sản trộm cắp.

Quá trình điều tra đã xác định được hành vi của Đỗ Quang H như sau:

Khoảng 20^h00' ngày 19/10/2020, chị Đỗ Thị D, anh Hoàng Văn K (sinh năm: 1977; trú tại: Phương T, Vĩnh N, Đ, Hà Nội), anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1977; trú tại: Phương T, Vĩnh N, Đ, Hà Nội), anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1981; HKTT: Tân T, Đồng K, Từ S, Bắc Ninh; tạm trú tại: tổ 23 thị trấn Đ, Đ, Hà Nội) và bị cáo Đỗ Quang H đến dự lễ sinh nhật chị Nguyễn Thị H1 tại tổ 23, thị trấn Đ, Đ, Hà Nội.

Khoảng 22^h00' cùng ngày, anh M tặng chị H1 hộp quà chứa mặt dây chuyền vàng tây trọng lượng 0,35chỉ, loại vàng 10K. Chị H1 nhận hộp quà rồi để trên chiếu. Lợi dụng mọi người tắt hết điện để chị H1 thổi nến, bị cáo H dùng tay mở hộp trộm cắp mặt dây chuyền cất giấu vào túi quần phía trước bên trái, để chiếc hộp đựng vàng

ở vị trí cũ để tránh bị phát hiện. Quan sát thấy chiếc ví da màu đen nhãn hiệu Junweibolo kích thước (10x25)cm của chị Đỗ Thị D để trên chiếu gần vị trí ngồi, lợi dụng khi chị D đi ra ngoài, bị cáo H đứng dậy dùng chân đá chiếc ví về phía cửa ra vào rồi đi vệ sinh.

Sau khi đi vệ sinh, bị cáo H quay lại cầm chiếc ví cất giấu tại khe cửa phòng của chị H1, sau đó quay lại ngồi ăn bánh sinh nhật. Thấy mọi người trong tình trạng say rượu, không để ý đến tài sản, bị cáo H đứng dậy cầm chiếc ví da đi về phòng trọ của H mở ví kiểm tra đếm được số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), 01 nhẫn tròn 5 chỉ bằng kim loại vàng (loại vàng 9999), 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ngân hàng Mbbank, 01 thẻ hành viên HC Homecenter mã số 881054082 đều mang tên Đỗ Thị D và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Bích N. Bị cáo H cầm tài sản trộm cắp được đi bộ đến cửa hàng Internet “Anh nét” địa chỉ tổ 17, thị trấn Đ, Đ, Hà Nội do Nguyễn Xuân A (sinh năm 1994; trú tại: Kính N, Uy N, Đ, Hà Nội) làm chủ. Trên đường đi, bị cáo H vứt ví và giấy tờ tại ven đường gần ngã tư 1-5 thuộc tổ 24, thị trấn Đ, Đ.

Tại cửa hàng Internet “Anh nét”, bị cáo H trả anh Xuân Anh số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền nợ sử dụng dịch vụ internet trước đó. Anh Xuân Anh thấy bị cáo H có nhiều tiền nên hỏi vay 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để trả tiền thuê nhà, bị cáo H đồng ý đưa tiền cho anh Xuân A. Bị cáo H ngồi chơi điện tử đến khoảng 6 giờ 00 ngày 20/10/2020 thì đón xe khách về quê.

Trên đường về quê, khi đến ngã tư Tư M, thị trấn An B, Quỳnh P, Thái Bình, bị cáo H vào cửa hàng vàng bạc “Dịnh Nhượng” thuộc Công ty TNHH Định Nhượng do ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1954; trú tại: Phố Tư M, thị trấn An B, Quỳnh P, Thái Bình) làm giám đốc gặp anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1986; trú tại: số 138, đường Trần Hưng Đ, phố Tư M, thị trấn An B, Quỳnh P, Thái Bình) quản lý cửa hàng để bán chiếc nhẫn vàng trộm cắp được của chị D. Anh T kiểm tra nhẫn xác định nhẫn vàng loại 9999, trọng lượng 5 chỉ, đồng ý mua với giá 26.250.000đ (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo H cầm tiền rồi mua 01 sợi dây chuyền vàng tây (loại vàng 10K, trọng lượng 1,509 chỉ) của anh T với giá 4.405.000đ (bốn triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng). Việc mua bán vàng giữa anh T và bị cáo H trao đổi bằng miệng không có giấy tờ chứng minh.

Sau khi bán nhẫn, bị cáo H đến cửa hàng mua bán điện thoại di động “Hoàng Gia” địa chỉ: ngã tư Tư M, thị trấn An B, Quỳnh P, Thái Bình do ông Hà Văn T (sinh năm 1966; trú tại: Xóm 17, xã Đông H, thành phố Thái Bình) làm chủ gặp anh Phan

Văn H (sinh năm 1994; trú tại: xóm 6, Tổng V, Vũ C, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình) quản lý cửa hàng mua một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 và 01 sim điện thoại số thuê bao 0906015652 giá 18.090.000đ (mười tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

C ngày 20/10/2020 bị cáo H về nhà cho bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1956; trú tại: Xóm 4, Lai Ô, An Q, Quỳnh P, Thái Bình, là bà nội bị cáo H) số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng); cho ông Đỗ Quang Đ (sinh năm 1978; trú tại: Xóm 4, Lai Ô, An Q, Quỳnh P, Thái Bình – bố đẻ bị cáo H) số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng); cho bà Phạm Thị C (sinh năm 1977; trú tại: Xóm 4, Lai Ô, An Q, Quỳnh P, Thái Bình - mẹ đẻ bị cáo H) số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và sợi dây chuyền vàng bị cáo H mua tại cửa hàng Định Nhượng cùng mặt dây chuyền bị cáo H trộm cắp được. Số tiền còn lại 3.655.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn đồng) bị cáo H tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng tạm giữ gồm:

+ Cửa Đỗ Quang H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 vỏ màu đen số IMEI1: 352991118159486, số IMEI2: 352991119730665, có gắn thẻ sim 0906015652; 01 ví da màu đen nhãn hiệu Junweibolo kích thước (10x25)cm bên trong có: 01 giấy chứng minh nhân dân. 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ngân hàng Mbbank, một thẻ hành viên HC Homecenter mã số 881054082 đều mang tên Đỗ Thị D và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Bích N.

+ Cửa Nguyễn Thị H1: 01 chiếc hộp bằng nhựa màu đỏ kích thước (2x3)cm, trên mặt có chữ vàng bạc Dũng H1.

+ Cửa anh Nguyễn Văn M: 01 giấy đảm bảo vàng của doanh nghiệp vàng bạc Dũng H1 địa chỉ tổ 4 thị trấn Đ, Đ, Hà Nội bán mặt dây chuyền vàng cho anh M giá ghi trên hóa đơn là 1.050.000đ ngày 19/10/2020.

+ Cửa anh Nguyễn Xuân A: số tiền 7.500.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành.

+ Cửa bà Phạm Thị C: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng và số tiền 38.000.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành (*tiền gia đình bị cáo H khắc phục hậu quả*)

+ Cửa anh Nguyễn Văn T: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao), 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi (bản photo), 01 danh sách mua vàng ngày

20/10/2020 (bản photo) và 01 chiếc USB lưu trữ hình ảnh bị cáo H đến cửa hàng mua, bán vàng.

+ Cửa anh Phan Văn H: 01 biên nhận thanh toán và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 538/HĐĐGTS ngày 25/10/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 (một) nhẫn vàng (loại vàng 9999, 5 chỉ) giá trị: 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) ví da nhãn hiệu JunweiBolo kích thước (10x25)cm trị giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); 01 (một) mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10K, trọng lượng 0,35 chỉ) trị giá 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản bị cáo H chiếm đoạt được là **46.650.000đ** (bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với anh Nguyễn Xuân A khi vay tiền bị cáo H, không biết số tiền bị cáo H cho vay là do trộm cắp mà có; Anh Nguyễn Văn T khi mua nhẫn vàng của bị cáo H, không biết nhẫn vàng trên là do trộm cắp mà có nên không phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị X, ông Đỗ Quang Đ và chị Phạm Thị C được bị cáo H cho tiền, dây chuyền vàng nhưng không biết số tài sản trên là do bị cáo H phạm tội mà có. Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo số tiền và vàng là vật chứng của vụ án, bà C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra vụ án nên không phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc nhẫn vàng 9999 (loại nhẫn 5 chỉ), bị cáo H bán cho anh T. Sau khi mua, anh T đem đúc lại nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 ví da nhãn hiệu Junweibolo kích thước (10x25)cm, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ngân hàng Mbbank, một thẻ hành viên HC Homecenter mã số 881054082 đều mang tên Đỗ Thị D và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Bích N là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị D. Ngày 27/11/2020, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng cho chị D.

Đối với 01 chiếc hộp bằng nhựa màu đỏ kích thước (2x3)cm, trên mặt có chữ “vàng bạc Dũng H1” và mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10k, trọng lượng 0,35 chỉ) là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H1. Ngày 27/11/2020 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho chị H1.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone11 số IMEI1: 352991118159486, số IMEI2: 352991119730665, gắn thẻ sim số thuê bao 0906015652 và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng mặc dù bị cáo H sử dụng tiền trộm cắp được để mua. Bị cáo H và gia đình đã khắc phục hậu quả cho người bị hại. Ngày 27/11/2020 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho bị cáo H.

Đối với số tiền 7.500.000đ tạm giữ của anh Xuân A. Anh Xuân A đề nghị trả cho bị cáo H và không đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết số tiền 500.000đ anh H nợ anh Xuân A.

Đối với số tiền 38.000.000đ tạm giữ của bà Phạm Thị C nộp khắc phục hậu quả cho bị cáo H; số tiền 7.500.000đ tạm giữ của anh Xuân A. Anh Xuân A đề nghị trả cho bị cáo H và không đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết số tiền 500.000đ anh H nợ anh Xuân A. Bị cáo H và bà C đề nghị trả cho chị Đỗ Thị D để khắc phục số tiền và nhẫn vàng bị cáo H trộm cắp. Ngày 27/11/2020 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho chị D số tiền 45.500.000đ.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao) 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi (bản photo), 01 danh sách mua vàng ngày 20/10/2020 (bản photo) và 01 chiếc USB lưu trữ hình ảnh bị cáo H đến cửa hàng mua, bán vàng tạm giữ của anh Nguyễn Văn T; 01 biên nhận thanh toán và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tạm giữ của anh Phan Văn H giao nộp để phục vụ điều tra vụ án, là tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh. Anh T và anh H không có nhu cầu nhận lại nên lưu hồ sơ vụ án phục vụ công tác xét xử.

Về phần dân sự: Chị H1 đã nhận lại mặt dây chuyền mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10k, trọng lượng 0,35 chỉ) không đề nghị bồi thường dân sự. Chị D đã nhận đã được bị cáo H và gia đình bồi thường số tiền 45.500.000đ. Sau khi nhận lại tài sản, chị H1 và chị D đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

Bản Cáo trạng số 224/CT-VKSĐA ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ quyết định truy tố bị cáo Đỗ Quang H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận: Khoảng 22h00 ngày 19/10/2020, tại Tổ 23 Thị trấn Đ, Đ, Hà Nội, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10K, trọng lượng 0,35 chỉ) trị giá 1.050.000 đồng của chị Nguyễn Thị H1; 01 nhẫn vàng (loại vàng 9999, 5 chỉ) trị giá

26.500.000 đồng; 01 ví da nhãn hiệu JunweiBolo kích thước (10x25)cm trị giá 100.000 đồng (bên trong có 19.000.000 đồng tiền mặt) . Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 46.650.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị C trình bày: Khoảng 07 giờ ngày 20/10/2020 khi bà đi làm về thì gặp bị cáo H ở nhà và đưa cho bà 01 sợi dây chuyền vàng và 7.500.000 đồng. Bà hỏi thì H bảo tiền do đi làm mà có, bà không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có. Tại phiên tòa bà xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H do bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, ông nội bị cáo là người có công với Cách mạng, tham gia kháng được tặng thưởng huân chương. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn nhỏ tuổi (bị cáo sinh ngày 08/10/2002) để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo, giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt Đỗ Quang H từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 48-60 tháng.
- Hình phạt bổ sung: Không
- Về dân sự: Không.
- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Người bị hại chị Đỗ Thị D, chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi và tội danh: Khoảng 22h00 ngày 19/10/2020, tại Tổ 23 thị trấn Đ, huyện Đ, TP Hà Nội, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10K, trọng lượng 0,35 chỉ) trị giá 1.050.000 đồng của chị Nguyễn Thị H1; 01 nhẫn vàng (loại vàng 9999, 5 chỉ) trị giá 26.500.000 đồng; 01 ví da nhãn hiệu JunweiBolo kích thước (10x25)cm trị giá 100.000 đồng (bên trong có 19.000.000 đồng tiền mặt) . Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 46.650.000 đồng. Như vậy,

có đủ căn cứ khẳng định bị cáo trộm cắp tài sản. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Mục đích tư lợi. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do háms lợi nên vẫn cố tình phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra. Được chứng minh bằng tang vật vụ án cơ quan điều tra thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Điều luật quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Nhân thân tốt, chưa bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không;
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo H đầu thú; các bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; ông nội bị cáo là ông Đỗ Quang Khoa tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đặc điểm về nhân thân, tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, số tiền do phạm tội mà có khá lớn. Song, xét thấy: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội khi còn ít tuổi (bị cáo phạm tội khi vừa tròn 18 tuổi), suy nghĩ bồng bột, chưa nhận thức thấu đáo về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Phần lớn số tiền do phạm tội mà có bị cáo cho bà nội, bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo để sử dụng *cho* việc chăm sóc *gia đình*. Bị cáo phạm tội không có dự mưu từ trước mà nhất thời nổi lòng tham khi thấy có sự sơ hở của người bị hại. Trong thời gian bị tạm giữ, bị cáo thấm thía được những tội lỗi do hành vi của mình gây ra. Xét nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của cơ quan chức năng và chính quyền địa phương, cũng là thể hiện được tính nhân đạo trong áp dụng pháp luật đối với người phạm tội. Do đó, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự *cho*

bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo để sửa chữa lỗi lầm, sớm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về dân sự: Chị H1 đã nhận lại mặt dây chuyền mặt dây chuyền vàng tây (loại vàng 10k, trọng lượng 0,35 chỉ) không đề nghị bồi thường dân sự. Chị D đã nhận đã được bị cáo H và gia đình bồi thường số tiền 45.500.000đ. Sau khi nhận lại tài sản, chị H1 và chị D đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H. Về dân sự đã giải quyết xong. Hội đồng không xem xét về dân sự.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không; Về xử lý vật chứng, tài liệu: Không;

Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao); 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi (bản photo); 01 danh sách mua vàng ngày 20/10/2020 (bản photo) và 01 chiếc USB lưu trữ hình ảnh bị can H đến cửa hàng mua, bán vàng tạm giữ của anh Nguyễn Văn T; 01 biên nhận thanh toán và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tạm giữ của anh Phan Văn H.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không phạt tiền bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

+ Áp dụng Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Quang H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: **Đỗ Quang H 20** (Bằng chữ: hai mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/12/2020.

Giao bị cáo **Đỗ Quang H** cho Ủy ban nhân dân xã An Q, huyện Quỳnh P, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 [Luật thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao); 01 giấy đảm bảo vàng tốt đúng tuổi (bản photo); 01 danh sách mua vàng ngày 20/10/2020 (bản photo) và 01 chiếc USB lưu trữ hình ảnh bị cáo H đến cửa hàng mua, bán vàng

tạm giữ của anh Nguyễn Văn T; 01 biên nhận thanh toán và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tạm giữ của anh Phan Văn H.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt kháng cáo trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- UBND xã An Q,
- huyện Quỳnh P, Thái Bình,*
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở TP Tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Thúy Hà

